

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/DS-ST
Ngày: 15-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tám;
2. Bà Nguyễn Thị Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức,
tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan Chi -
Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân
huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số
231/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp
"hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 100/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa
các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số B khu phố G, thị trấn B, huyện B, tỉnh
Long An.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1971.
2. Bà Dương Thị Ngọc H, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Số A Đường T, Khu phố A, thị trấn B,
huyện B, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số B Khu phố G, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

(bà G, ông Đ có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị G trình bày:

Ngày 04/7/2022, bà Nguyễn Thị G có cho vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị Ngọc H vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 1,1%/tháng, kỳ hạn vay 06 tháng kể từ ngày 04/7/2022, mục đích vay tiêu dùng cá nhân theo Hợp đồng vay có biện pháp bảo đảm số 06898, quyền số 01-2022-TP/CC-SCC/HĐGD được Văn phòng C công chứng ngày 04/7/2022. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thửa đất số 22, diện tích 143,2m², tờ bản đồ số 56, đất tọa lạc tại ấp V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 840635 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 17/02/2011 và được cập nhật chỉnh lý biến động ngày 16/7/2020.

Tuy nhiên, đến hết ngày 04/01/2023, vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị Ngọc H không trả tiền vay và lãi suất cho bà G theo thỏa thuận. Bà G đã nhiều lần liên lạc nhưng vợ chồng ông T không trả nợ vay và lãi suất. Do đó, bà G khởi kiện yêu cầu:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị Ngọc H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 222.000.000 đồng, trong đó bao gồm: 200.000.000 đồng tiền gốc và 22.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 04/7/2022 đến ngày 04/5/2023 (tổng cộng 10 tháng theo mức lãi suất 1,1%/tháng).

Bị đơn là ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị Ngọc H đều vắng mặt không có lý do. Ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị Ngọc H cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với

yêu cầu khởi kiện của bà G. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày là ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông Nguyễn Văn Đ là chồng của bà Nguyễn Thị G. Ông Đ thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà G, số tiền mà bà G cho vay là tài sản chung của vợ chồng ông Đ và bà G. Nếu yêu cầu khởi kiện của bà G được chấp nhận thì ông Đ đề nghị Tòa án tuyên trả số tiền cho bà G trực tiếp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức phát biểu ý kiến:

1. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung:

Nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ là Hợp đồng vay có biện pháp bảo đảm ngày 04/7/2022, theo nội dung tại Hợp đồng vay thể hiện bà Nguyễn Thị G có cho vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị Ngọc H vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 1,1%/tháng, kỳ hạn vay 06 tháng kể từ ngày 04/7/2022, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Hợp đồng này được Văn phòng C, quyền số 01-2022-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/7/2022. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thửa số đất 22, diện tích 143,2m², tờ bản đồ số 56, đất tọa lạc tại ấp V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 840635 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 17/02/2011 và được cập nhật chỉnh lý biến động ngày 16/7/2020. Do đó có cơ sở xác định giữa các bên xác lập hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi.

Phía nguyên đơn trình bày đến hết ngày 04/01/2023, vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị Ngọc H không trả tiền vay và lãi suất cho bà G theo thỏa thuận. Bà G đã nhiều lần liên lạc nhưng vợ chồng ông T không trả nợ vay và lãi suất.

Ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Bà G. Do ông T và bà H không chứng minh được đã trả nợ vay và lãi suất cho bà G nên có cơ sở xác định ông T và bà H còn nợ của bà G số tiền vay 200.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng vay. Đến kỳ hạn trả nợ vay, ông T và bà H vi phạm nghĩa vụ nên ông T và bà H phải hoàn trả lại số tiền vay là 200.000.000 đồng cho bà G.

Về lãi suất cho vay: Theo hợp đồng vay có biện pháp bảo đảm ngày 04/7/2022, bà Nguyễn Thị G và vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị Ngọc H thỏa thuận mức lãi suất 1,1%/tháng. Thỏa thuận mức lãi suất này là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 470, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị Ngọc H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 222.000.000 đồng, trong đó bao gồm 200.000.000 đồng tiền gốc và 22.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 04/7/2022 đến ngày 04/5/2023. Hiện tại, vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị Ngọc H đang cư trú tại địa chỉ số A Đường T, Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Bị đơn là ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị Ngọc H được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị Ngọc H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị G về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thấy rằng:

[3.1] Theo hợp đồng vay có biện pháp bảo đảm ngày 04/7/2022, bà Nguyễn Thị G có cho vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị Ngọc H vay số tiền 200.000.000

đồng, lãi suất 1,1%/tháng, kỳ hạn vay 06 tháng kể từ ngày 04/7/2022, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Hợp đồng này được Văn phòng C, quyển số 01-2022-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/7/2022. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thửa đất số 22, diện tích 143,2m², tờ bản đồ số 56, đất tọa lạc tại ấp V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 840635 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 17/02/2011 và được cập nhật chỉnh lý biến động ngày 16/7/2020. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngoài ra, bị đơn là ông T và bà H đã được Tòa án tổng đạt Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nội dung các thông báo này thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của bà G, nhưng ông T và bà H cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà G. Do ông T và bà H không chứng minh đã trả nợ vay và lãi suất cho bà G nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông T và bà H còn nợ của bà G số tiền vay 200.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng vay. Đến kỳ hạn trả nợ vay, ông T và bà H vi phạm nghĩa vụ nên ông T và bà H phải hoàn trả lại số tiền vay là 200.000.000 đồng cho bà G.

[3.2] Về lãi suất cho vay: Theo hợp đồng vay có biện pháp bảo đảm ngày 04/7/2022, bà Nguyễn Thị G và vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị Ngọc H thỏa thuận mức lãi suất 1,1%/tháng. Thỏa thuận mức lãi suất này là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Do phía bị đơn ông T và bà H không chứng minh được đã trả lãi cho bà G nên yêu cầu khởi kiện của bà G về việc buộc ông T và bà H có nghĩa vụ trả số tiền lãi tính từ ngày vay là ngày 04/7/2022 đến ngày 04/5/2023 với số tiền 22.000.000 đồng (200.000.000 đồng x 1,1% x 10 tháng) là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức: Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, do ý kiến này phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án, buộc ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.100.000 đồng (222.000.000 đồng x 5%) do yêu cầu khởi kiện của bà G được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G đối với ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị Ngọc H.

Buộc ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị Ngọc H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 222.000.000 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Minh T và bà Dương Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.100.000 đồng.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị G số tiền tạm ứng án phí là 5.550.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009926 ngày 26/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành

án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Đương sự;
- Lưu./.

Đoàn Thanh Lâm